| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN L**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST<br>Ngày: 26 - 5 - 2020<br>V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Khắc Tân

Bà Phạm Thị Kim Liên

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020; Thông báo về việc mở phiên tòa số 212/2020/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 276/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị A; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4/14/20 T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 4/51/46 L, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức T; nơi cư trú: Số 4/14/20 T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 2014, đến nay có 01 con chung là Nguyễn Di L, sinh ngày 16/3/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, tính cách không hòa hợp, anh T nóng tính và gia trưởng nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, có những lời lẽ xúc phạm nhau, thậm chí nhiều lần anh T đánh đập chị phải có sự can thiệp của gia đình. Từ đó, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, xa cách, không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề; hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn không thể cải thiện được, từ tháng 9 năm 2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến nay, chị xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn, tiếp tục cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị đề nghị giao con chung Nguyễn Di L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về án phí: Chị A nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn anh Nguyễn Đức T đến làm việc vào ngày 17/01/2020; ngày 21/02/2020; các buổi hòa giải ngày 28/02/2020; ngày 26/3/2020 và tại phiên tòa ngày 05/5/2020; ngày 26/5/2020 anh T đều vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 13/3/2020 anh T có mặt và trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về quá trình kết hôn và có con chung. Theo anh, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống và cách phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra cãi vã nhau; thêm vào đó, chị A cư xử với anh không khéo léo, nhẹ nhàng, tính cách anh lại nóng nảy nên anh đã có những lời lẽ xúc phạm, thậm chí nhiều lần đánh đập chị A khiến cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nay anh xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2019 đến nay nhưng chị A xin ly hôn thì anh không đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Di L, anh có nguyện vọng được nuôi con đến khi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Hai bên không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh đồng ý để chị A nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị A và anh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, Hải Phòng vào năm 2014 và có 01 con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2019. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn anh T; về con chung: Giao con Nguyễn Di L cho anh T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đức T. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L.

[2] Bị đơn Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị A và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 98 do Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 11 năm 2014 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, anh T tính tình nóng tính nên vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau, thậm chí nhiều lần anh T đánh đập chị A và vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa chị A và anh T tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, tính cách khác biệt, anh T tính tình nóng nảy, còn chị A lại cư xử không được khéo léo, nhẹ nhàng nên thường xuyên xảy ra xung đột, từ tháng 7/2019 vợ chồng sống

ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, việc chị A đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh T đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Nguyễn Đức T là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Di L, sinh ngày 16/3/2018, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị A đồng ý giao con chung cho anh T nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L ở cùng anh T, có cuộc sống ổn định nên hai bên thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hành cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị A và anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Di L, sinh ngày 16/3/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị A đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo Biên lai thu tiền số 0013675 ngày 25 tháng 12 năm 2019.

Chị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND p. H, L, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Thị Thu Hương**